

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2023
V/v “Ly hôn, Tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Trung;
2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thái Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993

ĐKKHKT: ấp Vĩnh H, xã Vĩnh G, huyện Tri T, An Giang.

Địa chỉ: Số 530, khu phố Đông T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989

ĐKKHKT: khóm An L, phường An, thành phố N, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Hồng Ngự, Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng nên không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn lại nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T; Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Ngân K, sinh ngày 24/9/2014. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khánh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật, có lần mẹ ruột anh T là bà Phạm Thu H chung hộ khẩu với anh T, đã nhận thay văn bản tố tụng cho anh T và cam kết giao tận tay cho anh T. Do đó, anh T biết việc chị T yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án mà anh T không có ý kiến gửi cho Tòa án về yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con của chị Nguyễn Thị Bích T.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bích T xác định chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đam mê cờ bạc như: Đánh bài trên mạng, đá gà trên mạng... Hiện nay chị và anh T nạnh ai nấy lo cuộc sống riêng của mỗi người nên tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, chị cương quyết yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 và 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T với anh Phạm Văn T; Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Ngân K, sinh ngày 24/9/2014, anh T không phải cấp dưỡng cho con do chị Bích T không yêu cầu, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] - Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T với anh Phạm Văn T.

[4] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích T với anh Phạm Văn T là hôn nhân hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Bích T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng nên không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn lại nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường An Bình A, thành phố Hồng Ngự tại Công văn số 599/UBND-TP ngày 07/12/2022 thì chị Nguyễn Thị Bích T với anh Phạm Văn T khi gặp nhau sống nghề làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh, hàng năm vào ngày Tết mới về. Tuy nhiên, về việc mâu thuẫn phát sinh tranh chấp dẫn đến ly hôn chị T và anh T không có gửi đơn yêu cầu hòa giải ly hôn tại địa phương nên UBND phường A không nắm. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bích T xác định chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Hiện nay chị T và anh T nạnh ai nấy lo cuộc sống riêng của mỗi người nên tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, do đó chị T cương quyết yêu cầu xin ly hôn với anh T. Tại phiên tòa, cha của chị T là ông Nguyễn Hoàng G xác định: Vợ chồng chị T và anh T có mâu thuẫn trầm trọng đã lâu, gia đình người lớn hai bên có hàn gắn nhưng không được nên nếu chị T và anh T có sống chung lại thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, ông thống nhất việc chị T yêu cầu xin hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích T với anh Phạm Văn T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thị Bích T xin được ly hôn với anh Phạm Văn T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Nguyễn Thị Bích T, chị T không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng cho con. Xét thấy:

[6] Hiện con chung tên Phạm Nguyễn Ngân K, sinh ngày 24/9/2014 đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị T đang sống với cha mẹ ruột nên nếu có đi đâu, làm gì thì cháu K cũng được sự chăm sóc của ông bà ngoại. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Phạm Nguyễn Ngân K về mọi mặt thì chị

Nguyễn Thị Bích T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sẽ tốt hơn anh Phạm Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Nguyễn Thị Bích T. Chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Phạm Nguyễn Ngân K, sinh ngày 24/9/2014 (Hiện đang sống với chị T). Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng cho con do chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phạm Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[7] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T với anh Phạm Văn T.

2/ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Ngân K, sinh ngày 24/9/2014 (Hiện đang sống với chị T). Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng cho con do chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Phạm Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 06682 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Không ai phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo